

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 8 - 2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Văn Ngừ

2. Ông Giàng Seo Hồng.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/ QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022.

1. Nguyên đơn: Chị Pán Thị T, năm sinh 1982

Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn H, năm sinh 1979

Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Pán Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Pán Thị T và anh Đặng Văn H tự nguyện kết hôn ngày 31/10/2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện B (trước đây thôn C thuộc xã N, sau đó sáp nhập vào xã B, huyện B). Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống và không thống nhất trong việc làm ăn kinh tế gia đình, có lúc uống rượu anh H còn đánh, chửi chị và đuổi chị ra khỏi nhà, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không hạnh phúc. Hiện chị và anh H đã sống

ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay tình cảm giữa chị và anh H không còn và không thể hàn gắn được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Văn H.

- Về nuôi con khi ly hôn: Chị Pán Thị T và anh Đặng Văn H có 04 con chung: Cháu Đặng Ngọc P, sinh ngày 31/11/2001; cháu Đặng Văn Đ, sinh ngày 13/10/2003; cháu Đặng Quốc H, sinh ngày 09/5/2006; cháu Đặng Minh K, sinh ngày 02/11/2020, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường, các cháu không được ai tặng cho tài sản gì. Khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cháu H, cháu K cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Nay anh H đề nghị được nuôi cháu Đặng Minh K chị đồng ý để anh H nuôi cháu K vì hiện nay anh H làm gần nhà có thời gian chăm sóc cháu nhiều hơn; còn chị hiện nay đang phải đi làm thuê xa nhà, điều kiện về chỗ ở khó khăn, không thuận tiện cho việc sinh hoạt của cháu, hơn nữa do đi làm thuê nên chị ít có thời gian để chăm sóc cháu. Đối với cháu P và cháu Đ nay đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện thu nhập của chị khoảng 5.000.000 đồng/tháng, từ trồng trọt và làm thuê đủ điều kiện để nuôi dưỡng con.

Về chỗ ở: Hiện nay chị và anh H có nhà riêng tại thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

2. Đề nghị của bị đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của chị T về điều kiện kết hôn và hoàn cảnh chung sống giữa chị T và anh. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bản thân anh có lúc uống rượu nên vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn; từ năm 2019 cho đến nay chị T thường xuyên đi làm xa nhà, vợ chồng ít gặp nhau và không còn quan tâm đến nhau, hiện anh và chị T đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay các con đã lớn có hai con đã trưởng thành, mâu thuẫn của vợ chồng không lớn, tình cảm giữa anh và chị T vẫn còn, anh không muốn ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được đoàn tụ nuôi dạy các con.

- Về nuôi con khi ly hôn: Anh Đặng Văn H nhất trí với chị Pán Thị T trình bày về con chung; nếu chị T cứ nhất quyết không chung sống cùng anh, anh đề nghị Tòa án quyết cho anh được nuôi cháu K, vì hiện nay chị T đi làm thuê xa nhà, ít có thời gian chăm sóc cháu, còn cháu H đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu; anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu P, cháu Đ đã trưởng thành nên anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay anh làm nghề trồng trọt, trồng quế và chăn nuôi tại địa phương, thu nhập của anh khoảng 3.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con.

Về chỗ ở: Hiện nay anh và chị T có nhà riêng tại thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

3. Tại Biên bản lấy ý kiến của con chưa thành niên cháu Đặng Quốc H trình bày: Nếu bố mẹ cháu không chung sống với nhau mà ly hôn, thì nguyện vọng của cháu được ở với mẹ cháu là Pán Thị T.

4. Ý kiến của Viện kiểm sát:

4.1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng theo Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện đúng theo Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4.2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Pán Thị T được ly hôn với anh Đặng Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Đặng Quốc H, sinh ngày 09/5/2006 cho chị Pán Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; giao cháu Đặng Minh K, sinh ngày 02/11/2020 cho anh Đặng Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị T và anh H không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo qui định của Pháp luật.

4.3. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án các đương sự đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khởi kiện, thụ lý vụ án, thủ tục hòa giải, chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Pán Thị T và anh Đặng Văn H là hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc; đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là không hòa hợp,

bất đồng trong quan điểm sống nên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống không hạnh phúc; từ cuối năm 2020 đến nay anh chị đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau, mâu thuẫn của anh H và chị T đã được gia đình động viên nhưng không thành, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả. Chị T xác nhận tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị ly hôn để mỗi người có cuộc sống riêng; anh H thừa nhận vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau, nhưng tình cảm giữa anh và chị T vẫn còn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần được chấp nhận.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống chị Pán Thị T và anh Đặng Văn H có 04 con chung: Cháu Đặng Ngọc P, sinh ngày 31/11/2001; cháu Đặng Văn Đ, sinh ngày 13/10/2003; cháu Đặng Quốc H, sinh ngày 09/5/2006; cháu Đặng Minh K, sinh ngày 02/11/2020, các cháu đều khỏe mạnh và phát triển bình thường; nay cháu P, cháu Đ đã trưởng thành nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu H có ý kiến xin được ở với chị T. Tại phiên hòa giải về việc nuôi con khi ly hôn, chị T và anh H đã thỏa thuận: Chị T được trực nuôi dưỡng cháu H; anh H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T và anh H làm nghề trồng trọt, chăn nuôi tại địa phương và đi làm thuê, thu nhập từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng đủ điều kiện nuôi dưỡng con.

Xét về khả năng và điều kiện kinh tế, cũng như căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, thì cả chị T và anh H đều có khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung, hiện cháu H, cháu K chưa đến tuổi trưởng thành, nên cần giao cho chị T và anh H cùng có trách nhiệm nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ, phù hợp với khoản 1, 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1,3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Pán Thị T phải chịu: 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Pán Thị T và anh Đặng Văn H.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Đặng Quốc H, sinh ngày 09/5/2006 cho chị Pán Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; giao cháu Đặng Minh K, sinh ngày 02/11/2020 cho anh Đặng Văn H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, chị T và anh H không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ chịu án phí: Chị Pán Thị T phải chịu: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0003990 ngày 18/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bắc Hà (2);
- CCTHADS huyện Bắc Hà;
- UBND xã N;
- Lưu: HS, THS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)**

Nguyễn Thị Thu Hương